

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 39/2025/DS- PT

Ngày: 15/9/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Quang và ông Bùi Quang Năng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2025/TLPT- DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2025/QĐXX-PT ngày 13 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐ-PT, ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 26/TB-TA ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn Trung T, xã Bình D, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương nay thôn Trung T, xã Kim T, thành phố Hải Phòng.

****Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Hương và chị Bùi Hoàng Linh Chi; địa chỉ: Số 02H, đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. (*chị Hương vắng mặt; chị Linh Chi có mặt*).

****Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Phan Văn Chiêu, Luật sư của Công ty Luật TNHH Hà Châu thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Số 02H, đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. (*Có mặt*)

****Bị đơn:*** Ông Nguyễn Sỹ V, sinh năm 1976. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm Văn V, xã Nhân S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nay xóm Văn V, xã Nhân S, tỉnh Nghệ An.

****Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*** Ông Nguyễn Cao Trí, Luật sư Văn phòng Luật sư Cao Trí thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; địa chỉ: Số 02 đường Phạm Đình Toái, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An. (*Có mặt*)

****Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*** Ông Trần Thanh Mạc - Luật sư Văn phòng Luật sư Cao Trí thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; địa chỉ: Số 02 đường Phạm Đình Toái, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An (*Có mặt*)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần vật liệu và xây dựng Lam Hồng

Địa chỉ: Thôn 8, xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nay thôn 8, xã Phúc Trạch, tỉnh Hà Tĩnh.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty Lam Hồng: Ông Nguyễn Sỹ T1, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ thường trú: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nay Khu phố Ông Đông, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).*

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Thuyết: Ông Trần Thanh Mạc; địa chỉ: Số 02 đường Phạm Đình Toái, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)*

2. Chị Hồ Thị Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm Văn Vương, xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nay xóm Văn V, xã Nhân S, tỉnh Nghệ An. *(Vắng mặt)*

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm Văn Vương, xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nay xóm Văn V, xã Nhân S, tỉnh Nghệ An. *(Vắng mặt)*

**Người đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Thị Đ và chị Nguyễn Thị T: Ông Trần Thanh Mạc; địa chỉ: Số 02 đường Phạm Đình Toái, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)*

3. Ông Nguyễn Mậu G, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội nay là Thôn Giao Tất A, xã Phú Sơn, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Thôn 8, xã Phúc T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; *(Có mặt)*.

4. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nay là Thôn R, xã Phạt T, tỉnh Bắc Ninh; địa chỉ liên lạc: Thôn 8, xã Phúc T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn Qtrình bày:* Trong quá trình hoạt động kinh doanh ông Nguyễn Văn Qbiết ông Nguyễn Sỹ V, chị Hồ Thị Đvà chị Nguyễn Thị Tđang có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần của mình tại Công ty cổ phần vật liệu và xây dựng Lam Hồng (gọi tắt là Công ty Lam Hồng) trụ sở tại thôn 8, xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó, ông Qtrao đổi với ông V về nhu cầu nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng nên hai bên thống nhất vào ngày 27/3/2024 ông Qđến Công ty Lam Hồng gặp ông V để thỏa thuận việc chuyển nhượng cổ phần. Quá trình trao đổi, ông V xác định ông V là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thành, chị Hồ Thị Định và đề nghị ông Qbàn bạc các nội dung chuyển nhượng cổ phần của ông V, chị Tvà chị Đtại Công ty Lam Hồng.

Sau khi trao đổi bàn bạc, ông Q và ông V đã thống nhất ký kết 03 hợp đồng đặt cọc, gồm: Hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, với nội dung ông Nguyễn Văn Q (Bên A) đặt cọc số tiền 3.500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Sỹ V (Bên B), để nhận chuyển nhượng 600.000 cổ phần của ông V với giá trị chuyển nhượng: 18.750 đồng/01 cổ phần, tương ứng số tiền 11.250.000.000 đồng; Hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, với nội dung ông Nguyễn Văn Q đặt cọc số tiền 750.000.000 đồng cho ông Nguyễn Sỹ V để nhận chuyển nhượng 400.000 cổ phần của chị Hồ Thị Định (Bên B), với giá chuyển nhượng 18.750 đồng/01 cổ phần, tương ứng với số tiền 7.500.000.000 đồng; Hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, với nội dung ông Nguyễn Văn Q đặt cọc số tiền 750.000.000 đồng cho ông Nguyễn Sỹ V để nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của chị Nguyễn Thị Thành (Bên B), với giá chuyển nhượng 18.750 đồng/01 cổ phần, tương ứng với số tiền 18.750.000.000 đồng.

Thời hạn đặt cọc các hợp đồng nói trên tính từ ngày ký kết Hợp đồng đặt cọc ngày 27/3/2024 đến ngày 08/04/2024. Ngay sau khi các bên ký kết 03 Hợp đồng đặt cọc trên ông Nguyễn Văn Q đã giao cho ông Nguyễn Sỹ V đủ số tiền đặt cọc là 5.000.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 100889788888 mở tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (gọi tắt Vietinbank) mang tên Nguyễn Sỹ V. Ông Nguyễn Sỹ V xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền đặt cọc. Các bên thỏa thuận ngày 08/04/2024 sẽ tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Lam Hồng.

Tuy nhiên, đến ngày 08/04/2024 là ngày cuối cùng của thời hạn đặt cọc mà các bên thỏa thuận, ông Q có mặt tại trụ sở Công ty Lam Hồng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với ông Nguyễn Sỹ V, chị Nguyễn Thị T và chị Hồ Thị Đ thì ông V chưa thực hiện các nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc, cụ thể như: Chưa cung cấp được Giấy phép xây dựng đối với hệ thống cơ sở hạ tầng tại Công ty Lam Hồng; chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế trước ngày 08/04/2024 với cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền, không cung cấp được tài liệu có xác nhận của cơ quan Thuế có thẩm quyền về việc Công ty Lam Hồng không nợ thuế theo quy định pháp luật; chưa hoàn tất thanh toán các khoản nợ của Công ty Lam Hồng đối với cá nhân, tổ chức hoặc bên thứ ba; chưa hoàn tất thanh toán tiền lương cho người lao động, bảo hiểm xã hội, trợ cấp và các khoản thuế phí theo quy định của nhà nước. Ông V không bàn giao bất cứ hồ sơ, giấy tờ pháp lý về tư cách pháp nhân cũng như quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty Lam Hồng từ thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần thứ nhất đến ngày 08/04/2024 và các giấy tờ pháp lý khác. Một số tài sản hiện có tại trụ sở Công ty Lam Hồng bao gồm: Nhà bảo vệ, nhà công nhân chưa được nhà nước công nhận quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty Lam Hồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất số DE 896430 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 21/6/2022 mang tên Công ty Lam Hồng. Đồng thời, tại buổi làm việc này, chị Nguyễn Thị Thành, chị Hồ Thị Đ cũng không có mặt, không có văn bản ủy quyền cho ông V, không có giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông của chị T, chị Đ.

Do đó, các bên không thể tiến hành giao kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần theo như thỏa thuận tại các Hợp đồng đặt cọc số 01, 02 và 03 đã ký vào ngày

27/3/2024 được. Sau khi không ký kết được hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, ông Q đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông Nguyễn Sỹ V hoàn trả tiền đặt cọc, phạt cọc nhưng ông V, chị Tvà chị Đ không có bất kỳ động thái nào thực hiện. Ông Q nhận thấy các bên không thể ký kết được Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là do lỗi hoàn toàn thuộc về ông Nguyễn Sỹ V, chị Nguyễn Thị Tvà chị Hồ Thị Định. Vì vậy, ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024. Buộc ông Nguyễn Sỹ V hoàn trả số tiền cọc và chịu khoản tiền phạt cọc gấp đôi số tiền đặt cọc, với tổng số tiền 7.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của tiền đặt cọc kể từ ngày 08/4/2024 đến ngày xét xử; Tuyên hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Sỹ V, chị Hồ Thị Đ liên đới hoàn trả số tiền đặt cọc 750.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của tiền đặt cọc kể từ ngày 08/4/2024 đến ngày xét xử; Tuyên hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Sỹ V, chị Nguyễn Thị T liên đới hoàn trả số tiền đặt cọc 750.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của tiền đặt cọc kể từ ngày 08/4/2024 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Sỹ V trả lại số tiền đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC, số 03/2024/HĐĐC mà không buộc chị Đ và chị T có nghĩa vụ liên đới cùng ông V trả lại số tiền đặt cọc này và sửa đổi yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 09/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 436 ngày với mức lãi suất là 10% trên số tiền đặt cọc của 03 hợp đồng đặt cọc.

** Tại đơn ghi phản tố đề ngày 16/01/2025 của bị đơn ông Nguyễn Sỹ V biên bản lấy lời khai đề ngày 28/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày:*

Vào ngày 27/3/2024 ông Nguyễn Sỹ V và ông Nguyễn Văn Q đã ký kết 03 hợp đồng đặt cọc nhằm đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông V và ông Q được thực hiện vào ngày 08/4/2024. Sau khi ký kết các hợp đồng đặt cọc ông V đã nhận đủ số tiền 5.000.000.000 đồng đặt cọc của ông Q. Tuy nhiên, đến ngày 08/4/2024 các bên lại đưa ra một số yêu cầu trái với nội dung quy định trong hợp đồng đặt cọc. Mặc dù, ông V mong muốn tạo điều kiện tốt nhất, kịp thời xử lý các khó khăn vướng mắc để các bên tiếp tục thực hiện việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng nhưng ông Q không có thiện chí. Cụ thể, vào ngày 12/4/2024 ông V gửi thông báo cho ông Q về việc tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhưng ông Q không thực hiện việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng mà gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Lý do không thể ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng là vì ông Q không có nguyện vọng, từ chối nhận chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng Công ty Lam Hồng. Do đó, ông Nguyễn Sỹ V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Đối với hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 giữa ông Q và ông V đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng đặt cọc tuyên ông V được nhận số tiền đặt cọc của ông Q do ông Q vi phạm hợp đồng đặt cọc.

Đối với Hợp đồng đặt cọc số 02 và 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 đã ký

giữa ông Q và ông V (Là người đại diện theo ủy quyền của chị Định, chị Thành) nhằm mục đích đảm bảo cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 400.000 cổ phần của chị Đ và 1.000.000 cổ phần của chị T tại Công ty Lam Hồng cho ông Q. Thực tế chị Đ là vợ của ông V, còn chị T là chị dâu của ông V đều đã đồng ý cho ông V toàn quyền thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần. Việc các bên không thể ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng là vì ông Q không có nguyện vọng, từ chối nhận chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng Công ty Lam Hồng. Do vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Q tiếp tục thực hiện 03 hợp đồng đặt cọc số 01, 02, 03/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024. Nếu ông Q không tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc nói trên thì căn cứ các quy định của hợp đồng để xử lý bên vi phạm theo quy định của hợp đồng.

**Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Đ và chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chúng tôi cũng thống nhất như ý kiến trình bày của bị đơn và không bổ sung gì thêm.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mậu Giang và ông Nguyễn Duy T trình bày:* Vào ngày 13/5/2025, ông Nguyễn Sỹ V đại diện cổ đông Công ty Lam Hồng đã ký kết hợp đồng mua bán và chuyển nhượng cổ phần với bên nhận chuyển nhượng cổ phần là ông Nguyễn Duy T và anh Nguyễn Mậu G. Theo đó, ông V đã chuyển nhượng 100% cổ phần tại Công ty Lam Hồng, với giá chuyển nhượng là 52.960.000.000 đồng. Đến ngày 16/5/2025 các cổ đông của Công ty Lam Hồng đã họp và ban hành Nghị quyết về việc thay đổi cổ đông và người đại diện theo pháp luật của Công ty, theo đó ông V, chị T và chị Đ không còn là cổ đông của Công ty và anh Nguyễn Mậu G mới là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Hồ sơ thủ tục thay đổi đã nộp cho Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh. Sự việc tranh chấp giữa các bên không còn liên quan đến Công ty Lam Hồng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, Hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, Hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024; Vi bằng số 33/2024/VB-TPLTA ngày 15/4/2024; Thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do vi phạm Hợp đồng đặt cọc, đề ngày 15/4/2024; Hợp đồng ủy quyền, đề ngày 24/12/2024; Hợp đồng mua bán và chuyển nhượng cổ phần; Biên bản họp của Đại hội cổ đông bất thường Công ty Lam Hồng; Nghị quyết của Công ty Lam Hồng (bản phô tô đóng dấu công ty).

Các tài liệu do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản lấy lời khai ông Trần Thanh Mạc ngày 28/4/20205; Biên bản làm việc ngày 22/5/2025; Hồ sơ ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ tại Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Hồ sơ thu thập tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh; Bản sao bản tự khai của ông Nguyễn Sỹ V; Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Sỹ V; Biên bản lấy lời khai chị Hồ Thị Đ; Biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị T; Giấy ủy quyền của chị Hồ Thị Đ với ông Nguyễn Sỹ V; Giấy ủy quyền của chị Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Sỹ V; Thông báo về việc yêu cầu thực hiện hợp đồng đặt cọc đề ngày 12/4/2024. Hồ sơ thu thập thông tin đăng ký kinh doanh của Công ty Lam Hồng tại Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 3602/STC-ĐKKD ngày 09/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh Hà

Tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Hà Tĩnh đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 122; Điều 131; Điều 328; Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 385; Điều 401; khoản 2 Điều 424, khoản 1 Điều 427; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26; điểm a, b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên hủy hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024. Buộc ông Nguyễn Sỹ V phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q số tiền đặt cọc là 3.500.000.000 đồng; số tiền phạt cọc là 3.500.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 418.082.200 đồng. Tổng số tiền là 7.418.082.200 đồng. Tuyên hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Sỹ V phải trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q số tiền đặt cọc là 750.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 89.589.000 đồng. Tổng số tiền là 839.589.000 đồng. Tuyên hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Sỹ V phải trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q số tiền đặt cọc là 750.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 89.589.000 đồng. Tổng số tiền là 839.589.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tiền lãi nếu chậm thi hành án, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Sỹ Văn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung kháng cáo như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án không khách quan, chưa xem xét một cách toàn diện nội dung của 03 hợp đồng đặt cọc số 01, 02 và 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024, xác định lỗi của các bên không đúng. Bên đặt cọc ông Nguyễn Văn Q mới là bên vi phạm, bỏ cọc, từ chối nhận chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng đặt cọc. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 và tuyên vô hiệu 02 hợp đồng đặt cọc số 02 và 03 ngày 27/3/2024 là không có căn cứ.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Hà Tĩnh) về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả trên số tiền đặt cọc của 03 hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC, số 02/2024/HĐĐC và số 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể đã rút phần yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 09/4/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm phát sinh từ 03 hợp đồng đặt cọc số 01, 02 và 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 mà các bên đã ký kết. Các nội dung còn lại nguyên đơn giữ nguyên và không bổ sung tài liệu chứng cứ gì thêm. Đối với

nội dung kháng cáo của bị đơn, nguyên đơn không nhất trí và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung thêm các tài liệu gồm: Biên bản bàn giao tài sản ngày 27/3/2024, Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 20/3/2024, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nhà máy sản xuất gạch Tuynenl, Giấy ủy quyền của chị Hồ Thị Đũa và chị Nguyễn Thị Thành, Sổ đăng ký cổ đông, Quyết định về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 20/6/2020.

Đối với nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn hoàn toàn đồng ý. Còn nội dung khác thì bị đơn vẫn giữ nguyên và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sỹ V, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DSST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (nay là TAND khu vực IV - Hà Tĩnh): Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm; Đình chỉ xét xử phúc thẩm và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các quyết định liên quan đến yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn đối với 3 hợp đồng đặt cọc số 01, 02, 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 giữa bên đặt cọc là ông Nguyễn Văn Q và bên nhận đặt cọc là ông Nguyễn Sỹ V.

Về án phí: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm, xác định những người tham gia tố tụng đúng, đầy đủ.

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sỹ V, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quyết định kháng nghị phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1]. Về xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sỹ V:

Qua xem xét, nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy rằng:

Thứ nhất: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024. Buộc bị đơn ông Nguyễn Sỹ V hoàn trả tiền đặt cọc 3.500.000.000 đồng và phạt cọc số tiền 3.500.000.000 đồng.

Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 giữa ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Sỹ V thể hiện bằng văn bản và không có công chứng, chứng thực ở cơ quan có thẩm quyền, loại hợp đồng này không thuộc trường hợp bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc, các bên tham gia ký kết hợp đồng đặt cọc đều đủ năng lực hành vi dân sự việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí nguyện vọng của các bên, không bị ép buộc, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên lập hợp đồng đặt cọc là để đảm bảo cho việc việc chuyển nhượng 600.000 cổ phần của ông Nguyễn Sỹ V tại Công ty Lam Hồng cho ông Nguyễn Văn Quang. Như vậy, đối tượng giao dịch của Hợp đồng đặt cọc là có thật và không vi phạm quy định của Điều lệ Công ty Lam Hồng.

Trong hợp đồng đặt cọc có nêu giá trị của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, thời gian hoàn thành giao dịch mua bán, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên khi vi phạm hợp đồng..Như vậy, nội dung của Hợp đồng đặt cọc là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Về quá trình thực hiện hợp đồng đặt cọc: Căn cứ hợp đồng đặt cọc ngày 27/3/2024 các bên đã thỏa thuận với nội dung “*ông Nguyễn Văn Q (Bên A) đặt cọc số tiền 3.500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Sỹ V (Bên B), để nhận chuyển nhượng 600.000 cổ phần của ông V với giá chuyển nhượng 11.250.000.000 đồng, bên A đặt cọc trước số tiền 3.500.000.000 đồng*”. Thời hạn đặt cọc kể từ ngày ký kết ngày 27/3/2024 đến ngày 08/4/2024.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi ký kết hợp đồng đặt cọc ông Nguyễn Văn Q đã thanh toán đầy đủ số tiền đặt cọc cho ông Nguyễn Sỹ V thông qua hình thức chuyển khoản qua tài khoản tại ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 08/4/2024 ông Q đến trực tiếp tại Công ty Lam Hồng để tiến hành giao kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì ông V vẫn chưa thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng đặt cọc như: Chưa hoàn tất các thủ tục thanh toán về thuế trong quá trình hoạt động của công ty Lam Hồng, chưa hoàn tất thanh toán các khoản nợ của công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan hoặc bên thứ ba, chưa hoàn tất thanh toán tiền lương cho người lao động, bảo hiểm xã hội, bàn giao đầy đủ hồ sơ, giấy tờ pháp lý về tư cách pháp nhân của công ty... dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không thực hiện được nên nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng, trả lại tiền cọc và phạt cọc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng lý do các bên không thể ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng là do nguyên đơn ông Q từ chối nhận chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng Công ty Lam Hồng theo thông báo ngày 12/4/2024 của bị đơn, hơn nữa ngày 27/3/2024 ông V đã có biên bản bàn giao một số tài sản của Công ty Lam Hồng cho ông Q. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời ông V được nhận số tiền đặt cọc do ông Q vi phạm hợp đồng đặt cọc.

Xét Vi bằng số 33/2024/VB-TPLTA lập ngày 15/4/2024 của Văn phòng Thừa phát lại Thành An thấy rằng lý do các bên không thể ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng là vì phía bị đơn ông V không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC, cụ thể: Đến ngày 08/4/2024, bị đơn ông V chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền, không cung cấp được tài liệu có xác nhận của cơ quan thuế có thẩm quyền về việc Công ty Lam Hồng không nợ thuế theo quy định pháp luật; chưa hoàn tất thanh toán các khoản nợ của Công ty Lam Hồng đối với cá nhân, tổ chức hoặc bên thứ ba; chưa hoàn tất thanh toán tiền lương cho người lao động, bảo hiểm xã hội, trợ cấp và các khoản thuế phí theo quy định của nhà nước... Đồng thời, ngày 27/3/2024 và ngày 08/4/2024 chị T, chị Đ không có mặt tại Công ty Lam Hồng, ông V cũng không xuất trình được văn bản ủy quyền hợp pháp của chị T, chị Đ đã ủy quyền cho ông V ký kết hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho ông Q.

Qua trình bày của các đương sự đối chiếu với tài liệu chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC được các bên ký kết vào ngày 27/3/2024 và cũng trong ngày 27/3/2024 các bên đã lập biên bản bàn giao tài sản cho nhau nhưng đến ngày 08/4/2024 khi nguyên đơn ông Q đến để ký kết hợp đồng thì bị đơn ông V chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Hơn nữa, tại thời điểm ngày 08/4/2024 đã xảy ra tranh chấp về tài sản giữa các thành viên Công ty Lam Hồng với nguyên đơn, vì thế đối với số tài sản này bị đơn ông V vẫn đang tiếp tục quản lý. Đến ngày 12/4/2024 bị đơn ông Nguyễn Sỹ V mới có thông báo cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện nội dung hợp đồng đặt cọc là quá thời hạn quy định tại Điều 2 hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC, vì vậy bị đơn cho rằng việc không thực hiện hợp đồng là do lỗi của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì vào ngày 16/01/2025 bị đơn ông Nguyễn Sỹ V, chị Hồ Thị Đ và chị Nguyễn Thị T đã có đơn gửi đến Tòa án với nội dung *“đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Q tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc số 01, 02, 03/2024/HĐĐC, ngày 27/3/2024 theo thông báo mà ông Nguyễn Sỹ V, chị Hồ Thị Đ và chị Nguyễn Thị T đã gửi cho ông Nguyễn Văn Q cùng biên bản bàn giao tài sản kèm theo hợp đồng đặt cọc đã được lập và giao cho hai bên”* nhưng vào ngày 13/5/2025 ông Nguyễn Sỹ V đã ký kết hợp đồng mua bán và chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty Lam Hồng cho anh Nguyễn Duy T và anh Nguyễn Mậu G, đến thời điểm hiện nay ông V, chị T và chị Đ không còn là thành viên cổ đông của Công ty Lam Hồng nữa. Vì thế cho nên việc tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc mà các bên đã tham gia ký kết là hoàn toàn không thể thực hiện được trên thực tế. Do đó, đủ căn cứ để xác định bị đơn ông Nguyễn Sỹ V đã cố tình từ chối giao kết thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Lam Hồng cho ông Nguyễn Văn Q và không thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết, vì thế xác định lỗi không thực hiện được hợp đồng trong trường hợp này thuộc về bị đơn ông Nguyễn Sỹ V.

Vì thế Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, buộc bị đơn

phải trả cho nguyên đơn số tiền cọc là 3.500.000.000 đồng và số tiền phạt cọc là 3.500.000.000 đồng, tổng số tiền là 7.000.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, buộc ông Nguyễn Sỹ V hoàn trả tiền cọc với số tiền 750.000.000 đồng; tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024, buộc ông Nguyễn Sỹ V hoàn trả tiền cọc với số tiền 750.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Vào ngày 27/3/2024 ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Sỹ V ký kết 02 hợp đồng đặt cọc số 02 và 03 nhằm mục đích để chuyển nhượng số cổ phần của chị Nguyễn Thị T và chị Hồ Thị Đ tại Công ty Lam Hồng. Cụ thể, hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC nhằm đảm bảo cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng nhận chuyển nhượng 400.000 cổ phần của chị Hồ Thị Định, giá trị chuyển nhượng 18.750 đồng/ 01 cổ phần, tương ứng với số tiền 7.500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Quang; Hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC nhằm đảm bảo cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của chị Nguyễn Thị Thành, với giá chuyển nhượng 18.750 đồng/ 01 cổ phần, tương ứng với số tiền 18.750.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Quang. Bị đơn ông Nguyễn Sỹ V đã nhận đầy đủ số tiền đặt cọc từ 02 hợp đồng này với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng.

Theo trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q thì tại thời điểm ký kết 02 hợp đồng đặt cọc nêu trên do tin tưởng chị Hồ Thị Đ và chị Nguyễn Thị T đã ủy quyền cho bị đơn ông Nguyễn Sỹ V đứng ra để ký kết hợp đồng với mình nhưng đến ngày 08/4/2024 thì chị Đ và chị T đều không có mặt tại Công ty Lam Hồng. Hơn nữa, thời điểm đó ông Nguyễn Sỹ V cũng không xuất trình được văn bản ủy quyền hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thành và chị Hồ Thị Định về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Sỹ V thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần của chị Đ và chị T tại Công ty Lam Hồng. Đến thời điểm hiện nay chị Đ và chị T đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của mình tại Công ty Lam Hồng cho anh Nguyễn Duy T và ông Nguyễn Mậu G và không còn là thành viên cổ đông của công ty Lam Hồng nữa. Vì thế, đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng đặt cọc vô hiệu và các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Thanh Mạc, người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T và chị Hồ Thị Đ đã cung cấp cho Hội đồng xét xử phúc thẩm 02 giấy ủy quyền của chị Đ và chị T, Giấy ủy quyền đề ngày 20/3/2024 với nội dung như sau “*Nay tôi ủy quyền cho ông Nguyễn Sỹ V chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Lam Hồng giải quyết tất cả các công việc liên quan đến việc nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Lam Hồng*”. Xét thấy 02 văn bản ủy quyền mà người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giao nộp về nội dung và hình thức chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật, cụ thể về nội dung người ủy quyền chỉ ủy quyền cho người được ủy quyền các công việc liên quan đến việc nhận tiền đặt cọc mà không ủy quyền ký kết hợp đồng đặt cọc, về hình thức trong 02 giấy ủy quyền này chỉ có chữ

ký của chị Hồ Thị Định, chị Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Sỹ V mà không có chữ viết, phân họ và tên của những người này đều được đánh máy sẵn. Hơn nữa, 02 giấy ủy quyền này đều không có công chứng hoặc chứng thực chữ ký của các bên tại cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 117, Điều 119, Điều 122 Bộ luật dân sự thì hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC và số 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 bị vô hiệu ngay tại thời điểm giao kết do vi phạm về chủ thể thực hiện hợp đồng không phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập.

Căn cứ Điều 131 Bộ luật dân sự quy định về hậu quả pháp lý khi giao dịch dân sự bị vô hiệu quy định không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, trả lại cho nhau những gì đã nhận. Đồng thời lỗi dẫn đến giao dịch dân sự vô hiệu trong trường hợp này đều lỗi của hai bên đương sự. Do bị đơn ông V là người trực tiếp ký kết 02 hợp đồng, đồng thời là người nhận số tiền đặt cọc là 750.000.000 đồng của hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC và số tiền 750.000.000 đồng của hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC nên bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền này. Vì thế, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu 02 hợp đồng đặt cọc số 02 và 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 và buộc bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc của 02 hợp đồng với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về xem xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Quang, thời gian kể từ ngày 09/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể đối với hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC với số tiền là 3.500.000.000 đồng; Hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC với số tiền là 750.000.000 đồng; Hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC chậm trả lãi với số tiền là 750.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Hoàng Linh Chi đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi chậm trả thời gian kể từ ngày 09/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm phát sinh từ 03 hợp đồng đặt cọc, cụ thể đối với hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC với số tiền là 3.500.000.000 đồng; Hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC với số tiền là 750.000.000 đồng; Hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC với số tiền là 750.000.000 đồng.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh từ 03 hợp đồng đặt cọc số 01, 02 và 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn không có ý kiến gì nên được chấp nhận. Vì thế, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Tuy nhiên, phần án phí sơ thẩm các đương sự vẫn phải chịu theo quyết định của bản án cấp sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTV2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phát sinh từ 03 hợp đồng đặt cọc số 01, 02 và 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 là hoàn toàn có căn cứ, tuy nhiên tại phiên

tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao Trí và ông Trần Thanh Mạc đã cung cấp các tài liệu gồm: Biên bản bàn giao tài sản ngày 27/3/2024, Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 20/3/2024, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nhà máy sản xuất gạch Tuynenl, Giấy ủy quyền của chị Hồ Thị Đũa và chị Nguyễn Thị Thành, Sổ đăng ký cổ đông, Quyết định về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 20/6/2020. Xét thấy các tài liệu này không làm phát sinh thay đổi bản chất của vụ án nên Hội đồng không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sỹ V.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q được chấp yêu cầu khởi kiện nên bị đơn ông Nguyễn Sỹ V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn được chấp nhận. Đối với yêu tính tiền lại chậm trả phát sinh từ 03 hợp đồng đặt cọc số 01, 02 và 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu này nhưng nguyên đơn vẫn phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sỹ V không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sỹ V.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh).

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm g, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 131, Điều 280, Điều 328, Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 424, khoản 1 Điều 427, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 27, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1.] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

[1.1] Hủy hợp đồng đặt cọc số 01/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 giữa bên đặt cọc là ông Nguyễn Văn Q và bên nhận đặt cọc là ông Nguyễn Sỹ V.

Buộc ông Nguyễn Sỹ V phải trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền đặt cọc là 3.500.000.000 đồng và số tiền phạt cọc là 3.500.000.000 đồng. Tổng cộng là 7.000.000.000 đồng (*Bảy tỷ đồng*).

[1.2] Hợp đồng đặt cọc số 02/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 giữa bên đặt cọc là ông Nguyễn Văn Q và bên nhận đặt cọc là ông Nguyễn Sỹ V vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Sỹ V phải trả lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền đặt cọc là 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

[1.3] Hợp đồng đặt cọc số 03/2024/HĐĐC ngày 27/3/2024 giữa bên đặt cọc là ông Nguyễn Văn Q và bên nhận đặt cọc là ông Nguyễn Sỹ V vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Sỹ V phải trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q số tiền đặt cọc là 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

[2.] Hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với 3 hợp đồng đặt cọc số 01, 02, 03/2024/HĐĐC cùng ngày 27/3/2024 giữa bên đặt cọc là ông Nguyễn Văn Q và bên nhận đặt cọc là ông Nguyễn Sỹ V

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3.]. Về án phí:

*Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Sỹ V phải chịu 115.000.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự không có giá ngạch. Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu 27.890.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*) (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng số tiền này được khấu trừ vào số tiền 78.500.000 đồng đã nộp. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 50.610.000 đồng (*Năm mươi triệu sáu trăm mười nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002681791 ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4- Hà Tĩnh.

*Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Sỹ V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000327 ngày 03 tháng 7 năm 2025 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 -Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- TAND sơ thẩm khu vực 4- Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 4- Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA, Toà DS, VT.

Nguyễn Khắc Hoàn